

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-01-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 12 năm 2020 và bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2020, chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn M do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K ngày 29 tháng 4 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 02 năm, đến tháng 10 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh M mãi chơi, uống rượu,

sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xóm 12, xã Ân, huyện K, tỉnh Ninh Bình từ cuối năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh M.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Lê Trúc G, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2014, đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị nhận tiếp tục nuôi cháu G đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày: Thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xóm 12, xã Ân, huyện K, tỉnh Ninh Bình từ cuối năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Lê Trúc G, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2014 đang do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn anh nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu G đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án. Cùng nhất trí ly hôn, thỏa thuận tự giao nhận với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và vấn đề tài sản, công nợ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự cùng nhận nuôi 01 con chung sau khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Trúc G, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2014 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn anh M; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông tin do UBND xã Đ, huyện K cung cấp về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn năm 2013, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm. Đến tháng 10 năm 2015, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh M mãi chơi, uống rượu, không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với chị T dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ từ cuối năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn anh M; quan điểm của UBND xã Đ, anh chị có mâu thuẫn rất trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp với các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Trúc G, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Căn cứ vào thông tin do UBND xã Đ cung cấp chị T có chỗ ở, việc làm ổn định và có bảng lương do chị T nộp cho Tòa án thể hiện thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng hơn 6.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con; thông tin do bà Nguyễn Thị Tám là mẹ đẻ chị T cung cấp, cháu G đang được chị T nuôi dưỡng rất tốt, chị có đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở, thời gian chăm sóc cho cháu có cuộc sống ổn định; thông tin do bà Đồng Thị Nha là mẹ đẻ anh M cung cấp, anh M đi làm công nhân từ thứ 2 đến hết thứ 7 hàng tuần, đi từ sáng sớm đến tối mới về. Khi chị T và anh M sống ly thân, anh M nhận nuôi cháu G nhưng không ở cùng nhà với cháu, không trực tiếp chăm sóc cháu mà để cho mẹ anh chăm sóc. Do đó, cần giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh M thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Trúc G, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0009023 ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã Đ, huyện K, HP;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng